

Số: 1176 /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 16 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Công văn số 12/HĐND-KTNS ngày 28/01/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc xây dựng Nghị quyết trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 30/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Theo quy định tại **khoản a mục 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg**: “Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

Căn cứ quy định trên, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng làm cần thiết, làm cơ sở cho việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng cho các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành phố đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các Luật và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

- Dự thảo Nghị quyết được cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan; đồng thời đã tiến hành đăng tải Dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến theo quy định.

- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến góp ý. Ngày 09/5/2022, dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 67/BCTĐ-STP ngày 09/5/2022. Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, thống nhất, hoàn thiện hồ sơ Dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh xem xét.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ ban hành Nghị quyết;
- Nội dung của nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Phần 1 - Dự thảo Nghị quyết: gồm 4 điều

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ

hợp cuối năm, báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày....tháng....năm 2022 và có hiệu lực từ ngày....tháng....năm 2022./.

2.2. Phần 2 - Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 8 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước hằng năm và giai đoạn.

Điều 5. Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2) Báo cáo số 67/BCTĐ-STP ngày 09/5/2022 của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo số 873/BC-SKHĐT ngày 22/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; (4) Báo cáo số 1005/BC-SKHĐT ngày 10/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, TH (TR).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Số: /2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm, báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày....tháng....năm 2022 và có hiệu lực từ ngày....tháng....năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - UBNDT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Thường trực: Huyện, thành phố ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin Đại biểu dân cử Cao Bằng;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ -HDND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương; mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (gọi tắt là Chương trình).

2. Quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

3. Quy định này là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, sở, ban, ngành của tỉnh; các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình (gọi tắt là sở, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp xã).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-

TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là *Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ngành, huyện phù hợp theo mức vốn chi tiết cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung theo Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng vốn đầu tư và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình.

4. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, đạt các mục tiêu của Chương trình đề ra. Ưu tiên bố trí cho địa bàn khó khăn nhất, ưu tiên các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; các dự án đầu tư xây dựng công trình có tác động, tạo động lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; giải quyết các vấn đề cấp bách, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn khó khăn.

5. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và chính quyền cấp huyện, cấp xã.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước hằng năm và giai đoạn.

1. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án như sau:

1.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1.1.1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.
- Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung (Tính theo quy mô công trình cứ 100 triệu đồng được tính là 1 điểm)	T		T
Tổng cộng				$X_{k,i}$

- Số lượng, số điểm (a, b, c, T), căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

- T: là số điểm bằng tổng cộng tổng mức đầu tư/100 triệu đồng.

Đối với nội dung xóa nhà tạm, dột nát: Phân bổ theo tỷ lệ % thực tế bình quân của địa phương so với toàn tỉnh (nếu các huyện nghèo đã được phân bổ vốn của chương trình, dự án khác thì vốn chương trình này sẽ bằng tổng nhu cầu vốn trừ đi phần vốn đã giao theo các chương trình khác).

1.1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
Tổng cộng				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1.2.1. Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm	X_{k,i}

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.
- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	X_{k,i}

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1.3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.
- b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ cho các sở, ngành cấp tỉnh và cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 x a

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tán gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

2. *Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

2.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	300 x b
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các cơ quan đơn vị theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 20% tổng vốn để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và

thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Cụ thể: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (không quá 10%); Sở Công Thương (không quá 4%); Sở Y tế (không quá 3%); Liên minh Hợp tác xã tỉnh (không quá 1%), Tỉnh Đoàn Thanh niên (không quá 1%), Hội Nông dân tỉnh (không quá 1%).

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện (tối thiểu 80% tổng vốn nội dung này):

b.1) Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn cấp huyện: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án. Áp dụng phương pháp chấm điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Mỗi trung tâm giống cây dược liệu quý	270	b	270 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

b.2) Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư cho cấp huyện áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm			A_{k,i}

- Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			B_{k,i}

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			C_{k,i}

+ Tiêu chí xã ĐBKK có thực hiện sáp nhập

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) thực hiện sáp nhập địa giới hành chính	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			D_{k,i}

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III và khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i} + D_{k,i}$

1.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.4.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện:

b.1) Ưu tiên phân bổ vốn cho các xã, thôn thuộc diện đầu của Chương trình (tổng vốn bằng số xã, thôn nhân với định mức trung bình/1 xã, thôn theo hướng dẫn của Trung ương)

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK (xã khu vực III), thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III:

Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

Số lượng (a, b, c) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới	10	a	10 x a
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 x a
	Tổng cộng điểm			$C_{k,i}$

+ Tiêu chí xã ĐBKK có thực hiện sáp nhập

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) thực hiện sáp nhập địa giới hành chính	10	a	10 x a
	Tổng cộng điểm			D_{k,i}

b.2) Vốn còn lại phân bổ theo nhu cầu thực tế (sau khi trừ đi số đã phân bổ tại nội dung b.1 của tiêu dự án này)

TT	Nội dung tiêu chí	Tổng số điểm
1	Cứ 1 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, tổng vốn NSTW hỗ trợ không quá 1,6 tỷ đồng/1km)	A ₁
2	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, không quá 04 tỷ đồng/trạm)	A ₂
3	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, không quá 0,8 tỷ đồng/trạm)	A ₃
4	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, không quá 04 tỷ đồng/chợ)	A ₄
5	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, không quá 0,8 tỷ đồng/chợ)	A ₅
6	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, tổng vốn NSTW hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/1 cầu)	A ₆
7	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, tổng vốn NSTW hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/1 công trình)	A ₇
	Tổng cộng điểm	A_{k,i}

A₁₋₇ là số điểm bằng tổng cộng tổng mức đầu tư/100 triệu đồng, tổng cộng tổng mức đầu tư các công trình căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện, cấp xã: 100% vốn.

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	8	b	8 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	c	1,8 x c
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	d	2,5 x d
Tổng cộng điểm				A_{k,i}

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới	1	a	1 x a
Tổng cộng điểm				B_{k,i}

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
Tổng cộng điểm				C_{k,i}

+ Tiêu chí xã ĐBKK có thực hiện sáp nhập

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) thực hiện sáp nhập địa giới hành chính	1	a	1 x a
Tổng cộng điểm				D_{k,i}

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i} + D_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d...) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III và khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

1.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1.5.1. *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

1.5.1.1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh và cấp huyện (gồm dự án thuộc các trường phổ thông dân tộc nội trú do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý; dự án thuộc các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có dân tộc bán trú còn lại do cấp huyện quản lý): Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Tổng Số điểm
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm)	A1
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc trường phổ thông có học sinh bán trú (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm)	A2
	Tổng điểm	$A_{k,i}$

Tổng số điểm (A1,A2) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các trường cần đầu tư, sửa chữa theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

- T: là số điểm bằng tổng mức đầu tư/100 triệu đồng.

1.5.1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh và cấp huyện (dự án thuộc các trường phổ thông dân tộc nội trú do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý; dự án thuộc các

trường còn lại do cấp huyện quản lý): Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phân phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.5.2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.5.2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100% thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

1.5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

1.5.3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.5.3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 2,5%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình 2021-2025 ở các cấp

1.5.4.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.5.4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

1.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1.6.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn không quá 20% cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh để thực hiện nội dung “Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 x d
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.6.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và

Du lịch không quá 40% để thực hiện nội dung “Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, “Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số...)” và “Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện (tối thiểu 60% số vốn của dự án này):

Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
2	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...)	2	e	2 x e
3	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
4	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
5	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
6	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
7	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
8	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

1.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1.7.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ 100% cho Sở Y tế sử dụng để đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo trung tâm y tế các huyện.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

1.7.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ cho Sở Y tế không quá 70%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện

Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng			Xk,i

Xã khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1.8.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.8.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh không quá 50%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	2	b	2 x b

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

1.9.1. *Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù*

1.9.1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

1.9.1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Số lượng hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg; thôn ĐBK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.9.2. Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.9.2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.9.2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế không quá 50%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số			X_{k,i}

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện/thành phố căn cứ số liệu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt..

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) của tỉnh/thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của tỉnh/thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1.10.1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 60% (Ban Dân tộc và Sở Tư pháp).

b) Phân bổ cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch được phê duyệt.

2. *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: 50%.

b) Phân bổ cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã</i>)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: 50% (Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

b) Phân bổ cho cấp huyện:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
Tổng cộng				X_{k,i}

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của từng địa phương theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt.

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Không quá 50% (Ban Dân tộc không quá 40%; các sở, ngành tỉnh trực tiếp quản lý, chỉ đạo các Dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình không quá 2%/sở, ngành).

b) Phân bổ cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
Tổng cộng				X_{k,i}

Xã khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Huyện, thành phố điểm được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Vốn phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Là tổng số vốn của từng dự án, tiểu dự án được xác định phân bổ cụ thể cho cơ quan đó.

3. Vốn phân bổ cho cấp huyện là tổng số vốn cấp cho chương trình còn lại sau khi trừ đi phần vốn đã cấp cho sở, ngành tỉnh. Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của huyện thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của huyện đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i ($i = \overline{1, n}$)
- k là huyện thứ k ($k = \overline{1, 10}$)

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện thứ k.
- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của huyện thứ k.
- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

Điều 5. Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, huyện)

1. Mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng tối thiểu 5% (Trong đó cấp tỉnh đối ứng tối thiểu 2,5%, cấp huyện đối ứng tối thiểu 2,5%) số vốn ngân sách Trung ương giao theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình.

2. Nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương:

a) Hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:

- Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn với mức 04 triệu đồng/hộ để giải quyết tình trạng thiếu đất ở; 04 triệu đồng/hộ làm nhà ở.

- Hỗ trợ 100% vốn cho các dự án hoặc hỗ trợ số vốn còn thiếu theo dự án được duyệt (ngoài nguồn vốn của Trung ương, ngân sách cấp huyện) đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án, đề án thuộc Chương trình này.

- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xóm (nội dung hỗ trợ thiết chế văn hóa) theo các Nghị quyết, đề án hỗ trợ nhà văn hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Hỗ trợ từ ngân sách huyện:

- UBND huyện căn cứ nguồn vốn do huyện tự cân đối (Nguồn vốn ngân sách tập trung phân cấp cho huyện, nguồn vốn tăng thu của huyện...) bố trí lồng ghép hỗ trợ 100% vốn cho các dự án hoặc hỗ trợ số vốn còn thiếu theo dự án được duyệt (ngoài nguồn vốn của Trung ương, ngân sách cấp tỉnh) đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án, đề án thuộc Chương trình này.

- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xóm (nội dung hỗ trợ thiết chế văn hóa) theo các Nghị quyết, đề án hỗ trợ nhà văn hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được quy định tại Nghị quyết này thực hiện việc phân bổ, xây dựng kế hoạch nguồn vốn trung hạn và hằng năm cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Lập kế hoạch nguồn ngân sách trung hạn và hằng năm thuộc chương trình theo đúng quy định hiện hành.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc chương trình.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Khi các văn bản viện dẫn để quy định về chế độ, định mức chi tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề mới phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Số: 67 /BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 09 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 870/SKHĐT-KTN ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

Tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản: Dự thảo cần bổ sung 02 văn bản sau làm căn cứ pháp lý: (1) Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; (2) Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại khoản 1 Điều 4, nội dung tại khoản này khá dài (17 trang) và cơ cấu bao gồm nhiều khoản mục nhỏ nên rất khó theo dõi cũng như việc dẫn các nội dung này. Vì vậy, để đảm bảo tính khoa học, thuận lợi trong quá trình áp dụng, dự thảo nên quy định chi tiết 10 dự án tại khoản này tại Phụ lục kèm theo, cụ thể:

“1. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục kèm theo Quy định này”.

- Tại điểm a tiêu mục 2.2 mục 1.3 Dự án 3 khoản 1 Điều 4: Dự thảo quy định **“Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 20% tổng vốn để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”**, tuy nhiên, dự thảo chưa quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào, đề nghị dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho các sở, ngành nào để thực hiện nội dung này.

- Tại mục 1.4 Dự án 4 khoản 1 Điều 4:

+ Tại mục này có Tiêu dự án 1 nhưng không có Tiêu dự án 2, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung.

+ Tại Tiêu dự án 1 dự thảo quy định **“Phân bổ vốn cho cấp huyện: - Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK trong xã khu vực I, khu vực II”**, tuy nhiên tại nội dung tiêu chí phân bổ vốn theo đơn vị hành chính, dự thảo quy định tiêu chí **“Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) là chưa thống nhất, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “trong xã khu vực I, khu vực II”** tại gạch đầu dòng thứ nhất ý b (Phân bổ vốn cho cấp huyện) để phù hợp với nội dung dự thảo và phù hợp với mục 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Dự thảo cần đưa nội dung tại ý b2) Phân bổ vốn theo nhu cầu thực tế lên quy định sau ý b1) Phân bổ vốn theo đơn vị hành chính trong mục nhóm tiêu chí cơ bản và để nhóm tiêu chí ưu tiên ở cuối để phù hợp với mục 1 Tiêu dự án 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

- Tại mục 1.6 Dự án 6 khoản 1 Điều 4:

+ Tại tiêu mục 1.6.1 dự thảo quy định: **“Phân bổ vốn đầu tư: a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn không quá 20% để thực hiện nội dung “Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”**, đề nghị dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào để thực hiện nội dung này.

+ Tại tiêu mục 1.6.2: Tại ý b) Phân bổ vốn cho cấp huyện, dự thảo cần bổ sung tiêu chí “*Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù*” để phù hợp với mục 2 Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

- Tại mục 1.7 Dự án 7 khoản 1 Điều 4: dự thảo quy định “Phân bổ vốn đầu tư: a) **Phân bổ cho sở, ngành tỉnh**: Phân bổ 100% sử dụng để đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo trung tâm y tế các huyện”. Dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào để thực hiện nội dung này.

- Tại Điều 8, dự thảo quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là chưa phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Do đó, đề nghị dự thảo đưa nội dung này về quy định tại Điều 7 trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tại Điều 9, dự thảo cần thay cụm từ “*dẫn chiếu*” bằng cụm từ “*viện dẫn*” cho phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bên cạnh đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát về kỹ thuật trình bày văn bản cho phù hợp (về chính tả, ngôn ngữ, sắp xếp khoản, điểm...).

4. Kết luận

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa các nội dung nêu trên để dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Các Phó GD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 09/05/2022 15:06:13



Bàn Thanh Hiền

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1005/BC - SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo thẩm định của Sở Tư Pháp với dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Báo cáo thẩm định số 67/BCTĐ-STP, ngày 9 tháng 5 năm 2022 của Sở Tư pháp V/v Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng xem xét tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện bản dự thảo và có Báo cáo giải trình ý tiếp thu ý kiến thẩm định cho dự thảo Nghị quyết như biểu tổng hợp chi tiết đính kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:

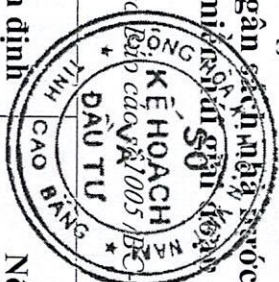
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- LĐ sở: GD, PGD Ba;
- Lưu VT - KTN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH CAO BẰNG
Nguyễn Văn Ba

BIỂU BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình Báo cáo thẩm định về dự thảo Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Báo cáo và 1005 BC SKHDT, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng)



STT	Cơ quan thẩm định	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Sở Tư Pháp (Công văn số 67/BC.TP-STP, ngày 09/5/2022)	Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật	Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với Báo cáo thẩm định
1.1		Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.	
2		Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên	
2.1		Tại phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản: Dự thảo căn bổ sung 02 văn bản sau làm căn cứ pháp lý: (1) Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; (2) Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

2.2	<p>Đối với dự thảo Quy định</p>	<p>- Tại khoản 1 Điều 4, nội dung tại khoản này khá dài (17 trang) và cơ cấu bao gồm nhiều khoản mục nhỏ nên rất khó theo dõi cũng như việc dẫn các nội dung này. Vì vậy, để đảm bảo tính khoa học, thuận lợi trong quá trình áp dụng, dự thảo nên quy định chi tiết 10 dự án tại khoản này tại Phụ lục kèm theo, cụ thể: “ Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục kèm theo Quy định này”.</p> <p>- Tại điểm a tiêu mục 2.2 mục 1.3 Dự án 3 khoản 1 Điều 4: Dự thảo quy định “Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 20% tổng vốn để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, tuy nhiên, dự thảo chưa quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào, đề nghị dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho các sở, ngành nào để thực hiện nội dung này.</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu vì qua xem xét việc nêu trực tiếp quy định không quá dài, nên quy định trực tiếp cho dễ theo dõi, việc trích dẫn quá nhiều văn bản, các phụ lục gây rối rắm khi phải tra cứu nhiều loại văn bản khác nhau.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo. Cụ thể: Sở Nông nghiệp và PTNT (không quá 10%); Sở Công Thương (không quá 4%); Sở Y tế (không quá 3%); Liên minh HTX tỉnh (không quá 1%), Tỉnh Đoàn Thanh niên (không quá 1%), Hội Nông dân tỉnh (không quá 1%)</p> <p>Không nhất trí tiếp thu do tiêu dự án 2 chi phân bổ có chọn lọc cho một số Bộ, ngành Trung ương và địa phương nhưng không có giao vốn cho Cao Bằng</p>
-----	---------------------------------	--	--

	<p>- Tại mục 1.4 Dự án 4 khoản 1 Điều 4: + Tại Tiểu dự án 1 dự thảo quy định “Phân bổ vốn cho cấp huyện: - Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã DBKK, thôn DBKK trong xã khu vực I, khu vực II”, tuy nhiên tại nội dung tiêu chí phân bổ vốn theo đơn vị hành chính, dự thảo quy định tiêu chí “Mỗi xã DBKK (xã khu vực III) là chưa thống nhất, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “trong xã khu vực I, khu vực II” tại gạch đầu dòng thứ nhất ý b (Phân bổ vốn cho cấp huyện) để phù hợp với nội dung dự thảo và phù hợp với mục 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>
	<p>- Tại mục 1.4 Dự án 4 khoản 1 Điều 4: + Dự thảo cần đưa nội dung tại ý b2) Phân bổ vốn theo nhu cầu thực tế lên quy định sau ý b1) Phân bổ vốn theo đơn vị hành chính trong mục nhóm tiêu chí cơ bản và để nhóm tiêu chí ưu tiên ở cuối đề phù hợp với mục 1 Tiểu dự án 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu, theo quan điểm của Sở KHĐT cần tách ra thành mục b.1) và b.2) để quá trình phân bổ không bị lẫn lẫn dẫn đến sai sót các nội dung cần ưu tiên đầu tư ở b.1) trước, sau đó mới đến phân bổ cho nội dung b.2)</p>

	<p>- Tại mục 1.6 Dự án 6 khoản 1 Điều 4: + Tại tiểu mục 1.6.1 dự thảo quy định: “Phân bổ vốn đầu tư: a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn không quá 20% để thực hiện nội dung “Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”, đề nghị dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào để thực hiện nội dung này. + Tại tiểu mục 1.6.2: Tại ý b) Phân bổ vốn cho cấp huyện, dự thảo cần bổ sung tiêu chí “Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có kho khăn đặc thù” để phù hợp với mục 2 Phụ lục VI kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.</p> <p>- Tại mục 1.7 Dự án 7 khoản 1 Điều 4: dự thảo quy định “Phân bổ vốn đầu tư: a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ 100% sử dụng để đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo trung tâm y tế các huyện”. Dự thảo cần quy định rõ phân bổ cho sở, ngành nào để thực hiện nội dung này.</p> <p>- Tại Điều 8, dự thảo quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là chưa phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Do đó, đề nghị dự thảo đưa nội dung này về quy định tại Điều 7 trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Tại Điều 9, dự thảo cần thay cụm từ “dẫn chiếu” bằng cụm từ “viện dẫn” cho phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>
3	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>

3.1	Về ngôn ngữ kỹ thuật soát thảo văn bản	<p>Dự thảo cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bên cạnh đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát về kỹ thuật trình bày văn bản cho phù hợp (về chính tả, ngôn ngữ, sắp xếp khoản, điểm...)</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>
-----	--	---	---

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 873/BC - SKHĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình với dự thảo Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 264/UBND-TH ngày 09/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc V/v giao nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết trình kỳ họp HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng;

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan soạn thảo) đã gửi dự thảo Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Đồng thời đăng công khai xin ý kiến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh (từ ngày 09/3/2022) để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến góp ý; đến hết ngày 21 tháng 4 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được 37 ý kiến đóng góp của các sở ngành và UBND các huyện, thành phố.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết như biểu chi tiết đính kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ngành;
- UBND các huyện, TP;
- LĐ sở: GĐ, PGĐ Ba;
- Lưu VT - KTN.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

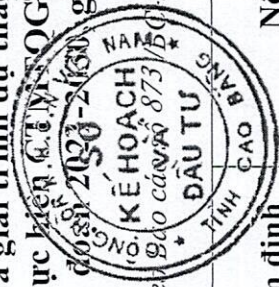


Nguyễn Văn Ba

Chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 22/04/2022 15:53:45

BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP

Tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình dự thảo Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng



(Kèm theo Báo cáo của Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng, ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng)

STT	Cơ quan thẩm định	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
1	Sở Tư Pháp (Công văn số 211/STP-NV1, ngày 16/3/2022)		
1.1	Đối với dự thảo Nghị quyết	<p>- Tại căn cứ thứ 6, dự thảo viện dẫn “Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025” làm căn cứ ban hành Nghị quyết là không phù hợp. Theo quy định của khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ thì “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành...”, mà Quyết định số 1719/QĐ-TTg không phải là văn bản quy phạm pháp luật; do đó, đề nghị dự thảo cần bỏ căn cứ này.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định đối tượng áp dụng nghị quyết là “các huyện, thành phố, các xã, thị trấn”, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đối tượng áp dụng là “phường” trên địa bàn tỉnh.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

1.2	Đối với dự thảo Quy định	<p>- Tại khoản 1 Điều 4: Để đảm bảo tính khoa học, để theo dõi, dự thảo nên cơ cấu chi tiết 10 dự án tại Phụ lục kèm theo, cụ thể “1. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này”</p> <p>- Hiện nay, nhiều văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh có quy định về tiêu chí, định mức, nội dung hỗ trợ trên các lĩnh vực như: Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND-UBND, ngày 12/12/2021 phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 ban hành Chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Sở Lao động -Thương binh và Xã hội vừa qua đã có Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này để trình HĐND tỉnh kỳ họp tháng 7/2022), Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025... Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các quy định của dự thảo để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu vì qua xem xét việc nêu trực tiếp quy định không quá dài, nên quy định trực tiếp cho dễ theo dõi, việc trích dẫn quá nhiều văn bản, các phụ lục gây rối rắm khi phải tra cứu nhiều loại văn bản khác nhau.</p>
			<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>

1.3	Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	<p>- Tại phần đầu của dự thảo Quy định cần bỏ phần số, ký hiệu và ngày ban hành văn bản, vì Nghị quyết đã trình bày nội dung này và đề phù hợp với mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Chính sửa lỗi chính tả trong dự thảo.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
2	Đài phát thanh truyền hình (Công văn số 61/CV-PTRH, ngày 15/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
3	Liên hiệp phục nữ tỉnh (Công văn số 159/CV-BTV, ngày 17/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (Công văn số 250/BQLDA-KHKT, ngày 17/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
5	Sở LĐ-TB&XH (Công văn số 353/SLĐTBXH-TBXH, ngày 13/3/2022)		

5.1	Đối với dự thảo Tờ trình	<p>-Tại phần I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo sửa Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg thành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.</p> <p>-Tại mục 2, phần II “Ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các quy định của Trung ương số và tỉnh, tỉnh thực tế địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành” đề nghị sửa thành “Ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các quy định của Trung ương và tỉnh thực tế địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành”</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
5.2	Đối với dự thảo Nghị quyết	<p>-Tại mục 3. Tiêu dự án 3, Dự án5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa, bổ sung như sau:</p> <p>3. Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</p> <p>3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không</p> <p>3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:</p> <p>a) Phân bổ vốn 2,5% tổng vốn tiêu dự án cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.</p> <p>b) Phân bổ vốn cho huyện, thành phố có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên: Nên Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:</p> <p>Mỗi học viên được đào tạo nghề: 0,035x a</p> <p>Số lượng học viên đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.</p> <p>-Đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại cách đánh số thứ tự tại mục IX, X.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
6	Sở Giao thông Vận tải (Công văn số 594/SGTVT-KHKT&QLGT, ngày 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	

7	Bộ chỉ huy quân sự (Công văn số 966/BCH-VP, ngày 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
8	Ngân hàng Nhà nước (Công văn số 189/CAB-TH, ngày 15/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
9	Sở Y tế (Công văn số 1674/SYT&KHTC, ngày 15/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
10	Liên đoàn lao động tỉnh Cao Bằng (Công văn số 1746/LĐLĐ-VP, ngày 16/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
11	UBND huyện Hạ Lang (Công văn số 202/UBND-TCKH, ngày 18/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
12	Sở Ngoại vụ (Công văn số 365/SNgV-Vp, ngày 16/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 440/SNN-KHTC, ngày 21/3/2022)		
13.1	Dự thảo Tờ trình	Tại mục I: Sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa: Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg thành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

13.2	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	<p>-Về thể thức văn bản: Tại Điều 4 của Nghị quyết. Các dự án 1,2,3 được đánh số thường, các dự án 4,5,6 đánh số La mã. Đề nghị chỉnh sửa lại đầu mục các dự án và tiêu dự án cho đồng nhất.</p> <p>-Tại trang 01 của dự thảo: Đề nghị chỉnh sửa Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Chủ tịch tỉnh thành Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
14	Sở Nội vụ (Công văn số 512/SNV-CCVCDT, ngày 18/3/2022)	<p>Tại căn cứ: Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Chủ tịch tỉnh phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 đề nghị chỉnh sửa thành: "Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025,"</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
15	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 363/SGD&ĐT-KH, ngày 16/3/2022)		
15.1	Chỉnh sửa lỗi chính tả	<p>Khoảng cách giữa các chữ tại Quyết nghị của Nghị quyết.</p> <p>-Khoảng cách của cụm từ "Phân bổ vốn cho cấp huyện" tại các điều của Nghị quyết.</p> <p>-Khoảng cách giữa các chữ sau dấu chấm hết câu và dấu "," tại các điều</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

15.2	Về bố cục	<p>Trong Điều 1 của phạm vi điều chỉnh, có 03 ý rất rõ về phạm vi nên tách ra:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn nguồn ngân sách trung ương; mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện); 2. Quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Chương trình); 3. Là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. <p>-Trong Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước + Đề nghị sắp xếp lại các đề mục cho hợp lý số thứ tự và thống nhất “đang sử dụng các đề mục I; 2; chuyển sang IV, V”</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
16	Ban quản lý dự án khu kinh tế (Công văn số 400/BQL-KHTH, ngày 18/3/2022)		
16.1	Căn cứ pháp lý	“Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021” đề nghị sửa lại là “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 10 năm 2021” để đảm bảo đồng bộ và thể thức trình bày văn bản QPPL.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
16.2	Dự thảo Nghị quyết	Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bỏ cụm từ “(có quy định kèm theo).” Vì quy định lặp lại nội dung “Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí...”	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

16.3	Sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày	- Dự thảo Nghị quyết: Lỗi trình bày tại Điều 4 “Điều 4.Nghị” - Dự thảo Quy định: khoản 3 Điều 3 “hụt cơ sở”; khoản 1 Điều 4 “ngân sách nhà nước”; điểm b khoản 1 Điều 4 “cấp huyện, địa phương theo”.... - Rà soát, chỉnh sửa cách trình bày bố cục các điều, khoản, điểm dự thảo để đồng nhất và phù hợp với quy định cách trình bày và bố cục văn bản QPPL.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
17	Hội cựu chiến binh (Công văn số 769/CCB, 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
18	Sở Thông tin và Truyền Thông (Công văn số 266/STTTT-VP, ngày 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
19	Sở Xây Dựng (Công văn số 365/SXD-QLXD, 14/3/2022)		
19.1		+ Chỉnh sửa lại số thứ tự tiêu dự án 1 trong Dự án 3 cho đồng bộ với các dự án khác.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

19.2		<p>+ Đối với Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Cụ thể: Tại mục phân bổ vốn đầu tư cho cấp huyện: Xem xét lại số điểm tiêu chí “Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi “Tại mục phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp huyện: Xem xét bổ sung các nội dung tiêu chí: “Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù”; “Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi vùng đồng bào DTTS và miền núi”; “Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể”</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
20	Ban Dân tộc (Công văn số 216/BDT-KHTH, ngày 21/3/2022)	Đề nghị tổ soạn thảo rà soát, điều chỉnh lại thể thức văn bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
21	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm (Công văn số 496/UBND-TCKH, ngày 18/3/2022; Công văn số 706/UBND-TCKH, ngày 12/4/2022)	Nhất trí với dự thảo	

22	Ủy ban nhân dân huyện Trưng Khánh (Công văn số 375/UBND-TCKH, ngày 17/3/2022; Công văn số 480/UBND-TCKH, ngày 13/4/2022)		
22.1		<p>2.1. Tại phần căn cứ của Nghị quyết có ghi: “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Chủ tịch tỉnh...” đề nghị sửa thành “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ...”</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
22.2		<p>2.2. Tại các trang 8, 10, 11, 17, 19, 20 của dự thảo quy định: “Nội dung tiêu chí: Mỗi thôn ĐBK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)”. Nếu quy định như vậy chưa phù hợp và rất thiệt thòi cho xã có số xóm quá 4 xóm của huyện Trưng Khánh theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc có xã 1 đến 6 xóm ĐBK. Đề nghị cơ quan tham mưu soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại nội dung này cho phù hợp với thực tế của địa phương.</p>	Không nhất trí tiếp thu do hướng dẫn tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng đã có quy định rõ.
22.3		<p>2.3. Tại Điều 5 của dự thảo quy định: “Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh”: Nội dung tại khoản 1 và khoản 2 chưa thống nhất (tại khoản 1 có quy định vốn đối ứng ngân sách huyện tối thiểu 05% số vốn ngân sách Trung ương. Tuy nhiên tại các điểm a, b khoản 2 không thể hiện phần vốn đối ứng ngân sách huyện cụ thể là bao nhiêu, sẽ gây ra khó khăn trong việc xác định nguồn vốn đối ứng của huyện bố trí sau này khi Nghị quyết được ban hành). Đề nghị cơ quan tham mưu soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại nội dung này, quy định lại cho thống nhất.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

22.4	2.4. Một số lỗi văn bản cần chỉnh sửa như khoảng cách chữ, thống nhất chữ đậm, nghiêng đậm tại các điều, khoản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
22.5	2.5. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị cơ quan tham mưu soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm một số nội dung tiêu chí ưu tiên cho các huyện, xã sáp nhập trên địa bàn tỉnh nói chung và của huyện Trùng Khánh nói riêng. Sau sáp nhập huyện, xã thì địa bàn rộng, còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, giao thông đi lại khó khăn....	Không nhất trí tiếp thu do hướng dẫn tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng không quy định dù tỉnh Cao Bằng đã nhiều lần kiến nghị.
22.6	2.6. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị cơ quan tham mưu soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm một số nội dung tiêu chí ưu tiên cho các huyện, xã sáp nhập trên địa bàn tỉnh nói chung và của huyện Trùng Khánh nói riêng. Sau sáp nhập huyện, xã thì địa bàn rộng, còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, giao thông đi lại khó khăn...	Không tiếp thu do cần thực hiện đồng nhất trên địa bàn các huyện trong tỉnh, việc phân bổ dựa trên nhu cầu, điều kiện thực tế của các huyện; việc ưu tiên điểm cho 01 huyện dẫn đến không công bằng đối với các huyện khác.
23	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An (Công văn số 358/UBND-TCKH, ngày 21/3/2022; Công văn số 490/UBND-TCKH, ngày 13/4/2022) Nhất trí với dự thảo	

24	<p>Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng (Công văn số 735/UBND-VP, ngày 20/3/2022; Công văn số 892/UBND-CV, ngày 12/4/2022)</p>		
24.1	<p>Nội dung dự thảo Nghị quyết</p>	<p>UBND huyện Hà Quảng trân trọng đề nghị: (i) Đối với mỗi biểu tính điểm của từng dự án thành phần, ưu tiên cộng thêm cho huyện Hà Quảng 25% tổng số điểm trong mỗi biểu đó. Cụ thể là: $X_{k,i}$ (Hà Quảng) = $(1+0,25) \cdot X_{k,i}$ Trong đó: $X_{k,I}$ (Hà Quảng): là số điểm của huyện Hà Quảng $X_{k,i}$: là điểm số xác định tại mỗi biểu tính của Dự thảo Nghị quyết</p>	<p>Không tiếp thu do cần thực hiện đồng nhất trên địa bàn các huyện trong tỉnh, việc phân bổ dựa trên nhu cầu, điều kiện thực tế của các huyện; việc ưu tiên điểm cho 01 huyện dẫn đến không công bằng đối với các huyện khác.</p>

(ii) Nước sinh hoạt và sản xuất là một trong những yếu tố quan trọng, cấp bách trong ổn định đời sống nhân dân và phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nội dung này cần được quan tâm đầu tư, hỗ trợ (đặc biệt là các xã phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa). Tuy nhiên dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Mục: "IV. Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi". Chưa có ưu tiên đối với các công trình nước sinh hoạt hoặc các xã không có nguồn nước. Do đó UBND huyện Hà Quảng đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét bổ sung hệ số và số điểm ưu tiên đối với các công trình/các xã này. Hai nội dung đề xuất nêu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Mục 3, Điều 3, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, như sau: "Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; các địa phương chỉ đạo điểm được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; các địa phương chỉ đạo điểm được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt".

Không tiếp thu do cần thực hiện đồng nhất trên địa bàn các huyện trong tỉnh, việc phân bổ dựa trên nhu cầu, điều kiện thực tế của các huyện; việc ưu tiên điểm cho 01 huyện dẫn đến không công bằng đối với các huyện khác.

24	Ủy ban nhân dân TPCB (Công văn số 505/UBND-TCKH, ngày 18/3/2022; Công văn số 731/UBND- TCKH, ngày 15/4/2022)	Nhất trí với dự thảo	
25	Kho bạc nhà nước (Công văn số 149/KBCB-KTNN, ngày 18/3/2022)		
25.1	Lỗi chính tả	Đề nghị đơn vị kiểm tra, rà soát lại các lỗi chính tả trong quá trình soạn thảo văn bản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
25.2	Tờ trình dự thảo	Trong dự thảo Tờ trình của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (phần I - Sự cần thiết ban hành Nghị quyết) đang dẫn chiếu sai số Quyết định (Số 31/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021) của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Quyết định đúng là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

25.3	Nội dung dự thảo Nghị quyết	<p>- Tại trang 10: Đề nghị đơn vị kiểm tra lại đơn vị tính (trạ, trạm, cầu) của các nội dung công việc tại số thứ tự 7,8,11 trong bảng tiêu chí;</p> <p>- Tại trang 14: số thứ tự 3 trong bảng tiêu chí số điểm đang vượt quá quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Tại trang 20: số thứ tự 4 trong bảng tiêu chí, đối chiếu với Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ không thấy có quy định. Đề nghị đơn vị kiểm tra lại.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
26	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa (Công văn số 293/UBND-TCKH, ngày 18/3/2022; Công văn số 397/UBND-TCKH, ngày 13/4/2022)	Nhất trí với dự thảo	
27	Ủy ban MTTQ (Công văn số 1230/UBND-TCKH, ngày 16/3/2022)		
27.1		- Cần chỉnh sửa các lỗi chính tả, thể thức trình bày văn bản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

27.2		<p>- Thống nhất cách gọi: thôn, làng, bản... / <i>văn bản có ghi: Thôn ĐBKK hay làng, bản truyền thống...</i>) Theo Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định tổ chức và hoạt động của xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, tại Điều 2. Khoản 1 có quy định: Xóm, thôn, làng, bản... (gọi chung là xóm); xóm được tổ chức ở xã; dưới xã là xóm.</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu do Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 (tại khoản 2, Điều 2) có quy định rõ “Các thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, áp, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là thôn)”, tại các văn bản hướng dẫn của Trung ương đều thống nhất mặc định tên đơn vị cấp tương đương xóm là thôn trên toàn quốc.</p>
27.3		<p>- Tại điểm a, mục 1.2, Tiêu dự án 1, Dự án 10: Đề nghị xem xét thêm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong phân thực hiện nguồn vốn được phân bổ. Vì Công tác Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào cũng là một trong những công tác trọng tâm hàng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp.</p>	<p>Không tiếp thu. Do nguồn vốn thực hiện trên giao cho cơ quan thường trực chương trình (Ban dân tộc) chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan thực hiện</p>
28	Sở Khoa học công nghệ (Công văn số 289/SKHCN-VP, ngày 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	
29	Sở Tài Chính (Công văn số 519/STC-TCDT, ngày 18/3/2022)		

29.1		1. Tại khoản 2 Điều 4 (trang 21) về phương phân phần bổ vốn để nghị chỉnh sửa một số nội dung như hơn với tỉnh Cao Bằng. Cụ thể: Chỉ tiêu K là các số chẵn từ 1 đến 10 tương ứng với 10 huyện, thành phố trên địa bàn (K= 1,10); cụm từ “địa phương” thay thế bằng cụm từ “huyện”.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
29.2		2. Tại khoản 1 Điều 4 (từ trang 4 đến trang 20) đề nghị điều chỉnh cách đánh thứ tự các mục, tiêu mục của 10 dự án và các tiêu dự án thành phần đảm bảo thống nhất và logic.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
29.3		3. Tại mục 1.1. khoản 1 Điều 4 (trang 5) đề nghị bỏ nội dung “+ Đối với xóa nhà tạm, dột nát: Phân bổ theo tỷ lệ % thực tế bình quân của địa phương so với toàn tỉnh (nếu các huyện nghèo đã được vốn này thì bảng tổng vốn được bố trí tính theo quy định này trừ đi phần vốn đã giao theo các chương trình khác)”. Lý do: Theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ vốn sự nghiệp của Dự án 1 được xác định theo tiêu chí về số hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề và số hộ được hỗ trợ sinh hoạt phân tán, do vậy không thể dùng vốn sự nghiệp của Dự án 1 để thực hiện việc xóa nhà tạm, nhà dột nát.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
30	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng (Công văn số 545/BCH-CT, ngày 21/3/2022)	Nhất trí với dự thảo	

31	Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình (Công văn số 525/UBND-TCKH, ngày 22/3/2022; Công văn số 661/UBND-TCKH, ngày 14/4/2022)	<p>Tại khoản 1, Điều 5 quy định: “Mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng tối thiểu 5% (cấp tỉnh đối ứng 2,5%, cấp huyện đối ứng là 2,5%) tổng số vốn ngân sách Trung ương giao theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình”; Huyện Nguyên Bình có tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm tới 57,23% (Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ); với những khó khăn về ngân sách trên địa bàn huyện, thì việc đảm bảo đối ứng ngân sách huyện theo tỷ lệ 2,5% là hết sức khó khăn, khó đảm bảo tính khả thi để đối ứng nguồn vốn theo dự thảo Nghị quyết. Ủy ban nhân dân huyện kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng xem xét, điều chỉnh mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách huyện với tỷ lệ phù hợp</p>	<p>Không tiếp thu, đề xuất giữ nguyên. Theo dự kiến nguồn vốn chủ yếu phân bổ cho các huyện chủ động thực hiện, vì vậy cần các huyện cần có trách nhiệm cùng bố trí đối ứng; qua lấy ý kiến các huyện thì 8/10 huyện đã đồng ý mức đối ứng trên.</p>
32	Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng (Công văn số 82/VP-CT HĐND, ngày 23/3/2022)		
32.1	Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết	<p>- Rà soát lại kỹ thuật soạn thảo đối với nội dung: “Căn cứ quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 Thủ tướng Chính phủ...” và nội dung: “Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND, ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc...”;</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>

32.2		<p>- Căn cứ Khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đề nghị tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết sửa lại thành: “Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm, báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
32.3		<p>- Tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị xem xét lại căn cứ để quy định nội dung: “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết này”.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
32.4	Đối Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết	(1) Đối với nội dung Tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: cần quy định lại thành: “Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí,... trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
32.5	Nội dung quy định kèm theo Nghị quyết	(2) Tại Khoản 3 Điều 3 của quy định: đề nghị bỏ 02 từ: “Ưu tiên” đầu tiên của khoản này	Không nhất trí tiếp thu do đây là quy định vận dụng Quy định tại khoản 3, Điều 3 thuộc Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021

32.6	<p>(3) Đối với nội dung Phương pháp phân bổ vốn ngân sách nhà nước - Điểm a Khoản 5 Điều 7 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định: “..xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”;</p> <p>- Phạm vi điều chỉnh của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết có nội dung: “Phương pháp phân bổ vốn nguồn ngân sách trung ương”;</p> <p>- Tiêu đề của Điều 4 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết cũng có nội dung “...và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước”.</p> <p>Tuy nhiên, trong Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết chưa có nội dung quy định về “Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước”. Căn cứ vào tình hình thực tế hàng năm khi Văn phòng tham mưu cho các cơ quan của HĐND tỉnh thẩm tra và thông qua việc phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (đặc biệt là vốn sự nghiệp của Chương trình) thì thấy rằng chỉ căn cứ vào định mức và tiêu chí thì việc phân bổ hàng năm còn dàn trải, tổng mức vốn cho 1 đơn vị ít. Vì vậy: đề nghị trong Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định “phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước” theo đó quy định cụ thể về:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp phân bổ vốn cả giai đoạn; + Phân bổ kế hoạch vốn hàng năm; + Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương khi triển khai thực hiện từng tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình; + Cách thức xác định tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025. 	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo, bổ sung cụm từ hàng năm và giai đoạn tại “Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm và giai đoạn.”</p>
------	--	--

32.7		<p>(4) Đối với nội dung mức đối ứng từ ngân sách tỉnh (Khoản 1 Điều 5 của Quy định) Theo quy định của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định thì hàng năm ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương. Tại Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết nêu: “Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng tối thiểu 05% số vốn ngân sách Trung ương giao theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 339/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình” đề nghị quy định cụ thể về số đóng góp của Ngân sách cấp tỉnh? Ngân sách cấp huyện? Tránh để chung chung như hiện nay thực hiện sẽ có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau.</p> <p>(5) Đối với một số định mức hỗ trợ (Khoản 2 Điều 5 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 6) Đề nghị cung cấp cơ sở để đưa ra các định mức hỗ trợ như dự thảo.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu sẽ nghiên cứu bổ sung
32.8			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo
33	<p>Hội nông dân tỉnh Cao Bằng (Công văn số 2285/CV-HNDT, ngày 23/3/2022)</p>	Nhất trí với nội dung dự thảo	
34	<p>Ngân hàng chính sách xã hội (Công văn số 348/NHCS-KHTD, ngày 15/3/2022)</p>	Nhất trí với nội dung dự thảo	
35	<p>Sở Công Thương (Công văn số 339/SCT-KHTCTH, ngày 24/3/2022)</p>		
35.1	Lỗi chính tả	<p>- Sửa lỗi chính tả: Phần “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh..” sửa thành “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ...”</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo

35.2	Tiêu đề Nghị quyết	<p>- Đề nghị sửa tên tiêu đề của nghị quyết: "Nghị Quyết Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng", sửa lại năm thực hiện thành "Nghị Quyết Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 -2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025, tỉnh Cao Bằng, vì Nghị quyết xây dựng và bắt đầu thực hiện từ năm 2022.</p> <p>- Tại mục: V. Dự án 4, phần I trong biểu: " Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (cứ 100 triệu đồng tính 01 điểm, tổng vốn NSTW hỗ trợ không quá 10,0 tỷ đồng/1 cầu". Đề nghị chỉnh sửa lại đơn vị sử dụng đầu tư điện là ... " hỗ trợ không quá 10,0 tỷ đồng/1 xóm hoặc/ 1 bản/hoặc bao nhiêu hộ dân/hoặc bao nhiêu km" cho hợp lý.</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu do đây là quy định tên gọi của chương trình theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 và Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ</p>
35.3	Nội dung Quy định kèm theo Nghị quyết		<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đóng góp chỉnh sửa bản dự thảo</p>
36	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc (Công văn số 348/UBND-TCKH, ngày 25/3/2022; Công văn số 433/UBND-TCKH, ngày 12/4/2022)	<p>Đề xuất tách từng phụ lục đối với các nội dung của từng dự án từ dự án 1 đến dự án 10</p> <p>cần chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại bản dự thảo Nghị quyết</p>	<p>Không nhất trí tiếp thu vì qua xem xét việc nêu trực tiếp quy định không quá dài, nên quy định trực tiếp cho dễ theo dõi, việc trích dẫn quá nhiều văn bản, các phụ lục gây rối rắm khi phải tra cứu nhiều loại văn bản khác nhau.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến</p>

37	<p>Ủy ban nhân dân huyện Thạch An (Công văn số 525/UBND-TCKH, ngày 19/4/2021)</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 5 mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: Đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ cả 5% vì huyện không thể cân đối nguồn để đối ứng. Do cả giai đoạn đầu tư công trung hạn 2021-2025 huyện được tỉnh giao 55.237 triệu đồng, trong đó đã đối ứng thực hiện nhiều chương trình, dự án tại địa phương và hiện nay đang còn có rất nhiều nội dung cần thực hiện. Nếu đối ứng 2,5% thì huyện không thể cân đối được</p>	<p>Không tiếp thu, đề xuất giữ nguyên. Theo dự kiến nguồn vốn chủ yếu phân bổ cho các huyện chủ động thực hiện, vì vậy cần các huyện cần có trách nhiệm cùng bố trí đối ứng; qua lấy ý kiến các huyện thì 8/10 huyện đã đồng ý mức đối ứng trên.</p>
----	---	--	--